

Số: /BGDĐT-GDNNGDTX

V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học
2026-2027 đối với giáo dục nghề nghiệp và
giáo dục thường xuyên

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Các Vụ, Cục, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên thuộc các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên.

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn triển khai nhiệm vụ năm học đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giáo dục thường xuyên (GDTX), với các nội dung chủ yếu như sau:

A. NHIỆM VỤ CHUNG

Năm học 2026-2027 là năm tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách và quy định mới về GDNN, GDTX nhằm tạo chuyển biến đột phá rõ nét, thực chất theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW¹; kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm² và Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hung³ đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo. GDNN phải đi trước một bước trong chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới; trong đó tập trung tổ chức thực hiện mô hình GDNN theo Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025, từng bước đưa giáo dục trung học nghề vào thực tiễn; đổi mới mạnh mẽ chương trình, phương thức đào tạo và quản trị GDNN; tăng cường gắn kết với doanh nghiệp và thị trường lao động; phát triển hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông và học tập suốt đời; triển khai các chương trình GDTX, đặc biệt đối với các chương trình xóa mù chữ, chương trình GDTX cấp trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT); đổi mới phương pháp dạy và học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các thành quả của khoa học, kỹ thuật trong giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ người học; tập trung triển khai, đẩy mạnh thực hiện Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045”...

¹ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

² Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026-2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW.

³ Chỉ thị số 31/CT-TTg, ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2026-2027.

Bộ GDĐT đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đơn vị tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị, Thông báo số 105-TB/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (Luật số 123/2025/QH15) và Luật Giáo dục nghề nghiệp (Luật số 124/2025/QH15), các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Chỉ thị số 31/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các quy định liên quan; tổ chức quán triệt, chuẩn bị các điều kiện và triển khai thực hiện Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, Khung trình độ quốc gia Việt Nam và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; cụ thể hóa các chủ trương, chính sách mới thành nhiệm vụ, chỉ tiêu, tiến độ và sản phẩm cụ thể trong kế hoạch năm học 2026-2027.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, tư vấn, hướng nghiệp; chú trọng mô hình trung học nghề, các chương trình về GDTX và các chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm tạo sự đồng thuận của xã hội và nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh và đào tạo nghề. Kịp thời phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp với thực tiễn.

3. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN công lập, trung tâm GDTX, trung tâm GDNN, trung tâm GDNN-GDTX, trung tâm học tập cộng đồng phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp, quy mô dân số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu nhân lực của từng địa phương; khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, ngành, nghề đào tạo trùng lặp, quy mô nhỏ, hiệu quả thấp. Bảo đảm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân sự hỗ trợ giáo dục phù hợp với quy mô, cơ cấu, ngành, nghề đào tạo và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của cơ sở giáo dục, bảo đảm ổn định về vị trí việc làm, chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý trong quá trình sắp xếp mạng lưới. Sắp xếp hợp lý mạng lưới cơ sở GDNN, GDTX, lớp, phân hiệu, điểm trường phân bố hợp lý, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, không bị gián đoạn hoạt động giảng dạy và quản lý, thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở GDNN, GDTX khi sắp xếp tổ chức.

4. Quán triệt tinh thần đột phá, ưu tiên chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Ưu tiên nguồn lực triển khai cơ sở dữ liệu về GDNN và GDTX, học bạ số, văn bằng số; bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối, liên thông dữ liệu giữa các cơ sở GDNN, GDTX với hệ thống chung của ngành; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ dạy học, quản lý, điều hành. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số bảo đảm liên chính học thuật, minh bạch, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền sở hữu trí tuệ theo quy định pháp luật và hướng dẫn chuyên ngành có liên quan; thực hiện thống nhất giữa nhiệm vụ chung và các nhiệm vụ cụ thể của GDNN, GDTX, tránh trùng lặp, theo hướng dữ liệu dùng chung, liên thông, giảm báo cáo và giảm thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính.

5. Đẩy mạnh công tác tuyển sinh, nâng cao chất lượng đào tạo, tập trung phát triển nhân lực cho các ngành STEM, lĩnh vực trọng điểm, mũi nhọn, ngành nghề mới và các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực cao; đồng thời chú trọng đào tạo,

đào tạo lại tại địa bàn khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích các trường trung cấp, cao đẳng căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế tại địa phương, chủ động xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo chương trình chất lượng cao theo quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Tăng cường công tác hướng nghiệp, phân luồng, đa dạng hóa phương thức tuyển sinh và đào tạo; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong các cơ sở GDNN, GDTX theo lộ trình, phù hợp chuẩn đầu ra của từng ngành, nghề, năng lực đội ngũ và điều kiện bảo đảm chất lượng; không áp dụng đồng loạt khi chưa đủ điều kiện.

6. Quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn lực để phát triển GDNN, GDTX trong kế hoạch dự toán ngân sách năm 2027 và giai đoạn 2027-2030 của bộ ngành, địa phương, đơn vị.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực GDNN, GDTX; chú trọng lĩnh vực, ngành nghề y dược, ngoại ngữ, du lịch và nội dung về tuyển sinh, tổ chức đào tạo; in ấn, quản lý, cấp phát và sử dụng văn bằng, chứng chỉ GDNN, GDTX; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

B. VỀ CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

1. Hoàn thiện thể chế, sắp xếp mạng lưới và kiện toàn tổ chức, quản trị cơ sở GDNN

a) Tập trung sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN công lập đảm bảo lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất từ Trung ương đến địa phương; có lộ trình, bám sát chỉ đạo của Trung ương; tinh gọn đầu mối, giảm trùng lặp chức năng, tạo tiền đề hình thành mô hình trung học nghề gắn với học tập suốt đời và phân luồng sau THCS.

b) Rà soát, hoàn thiện điều kiện hoạt động và kiện toàn quản trị cơ sở GDNN theo quy định mới. Cơ sở GDNN rà soát giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký bổ sung hoạt động GDNN đã được cấp và hoàn thiện, bổ sung các điều kiện hoạt động GDNN theo quy định mới; sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy chế tổ chức và hoạt động, kiện toàn hội đồng trường và các thiết chế quản trị nhà trường phù hợp với Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Sở GDĐT hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện các quy định chuyển tiếp, không để phát sinh khoảng trống pháp lý, gián đoạn hoạt động đào tạo và ảnh hưởng đến quyền lợi của người học.

c) Tham mưu Bộ ngành, cơ quan Trung ương, UBND cấp tỉnh hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển GDNN. Tập trung triển khai mô hình trung học nghề; phát triển ngành, nghề trọng điểm, công nghệ cao và đào tạo nhân lực kỹ năng cao; hỗ trợ đổi mới chương trình, phát triển đội ngũ, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng và tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, sử dụng và phát triển nhân lực; khuyến khích doanh nghiệp bố trí, sử dụng nguồn lực và kinh phí cho đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng người lao động.

2. Triển khai mô hình trung học nghề, đẩy mạnh hướng nghiệp, phân luồng và liên thông

a) Tổ chức triển khai mô hình trung học nghề đối với người học đã hoàn thành chương trình giáo dục THCS; bảo đảm kết hợp kiến thức chương trình trung học phổ thông với kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, tạo điều kiện để người học sớm tham gia thị trường lao động và tạo nền tảng để người học tiếp tục học lên. Tiếp tục xây dựng và ban hành kiến thức chương trình trung học phổ thông trong chương trình giáo dục trung học nghề phù hợp với nhóm ngành, nghề.

b) Đẩy mạnh tư vấn hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục phổ thông, GDNN, GDTX, gia đình và doanh nghiệp; xây dựng các lộ trình học tập linh hoạt, liên thông giữa các trình độ trong GDNN và giữa GDNN và đại học. Việc liên thông lên trình độ đại học thực hiện theo quy định tại Thông tư số 52/2026/TT-BGDĐT, quy định tuyển sinh trình độ đại học và quy định của cơ sở giáo dục đại học; bảo đảm người học đáp ứng điều kiện dự tuyển, chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

3. Đổi mới công tác tuyển sinh, phát triển chương trình và tổ chức đào tạo

a) Đẩy mạnh công tác tuyển sinh và tổ chức đào tạo bảo đảm đúng quy định. Cơ sở GDNN xây dựng, công bố công khai kế hoạch, phương thức và chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2026-2027 phù hợp với năng lực đào tạo thực tế và phạm vi ngành, nghề, trình độ đã được cấp phép hoạt động; công khai điều kiện bảo đảm chất lượng, học phí, chuẩn đầu ra và kết quả việc làm của người học sau tốt nghiệp trước khi tuyển sinh. Đẩy mạnh đăng ký tuyển sinh trực tuyến; cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu tuyển sinh với cơ sở dữ liệu ngành theo chuẩn dữ liệu, hướng dẫn kỹ thuật của Bộ GDĐT. Việc sử dụng Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung thực hiện theo phạm vi, đối tượng và quy định áp dụng đối với từng trình độ; cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu cơ sở, tuyển sinh, người dạy, người học và tốt nghiệp vào cơ sở dữ liệu về GDNN. Sở GDĐT tăng cường quản lý, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh và xử lý nghiêm việc tuyển sinh vượt quá năng lực đào tạo, tuyển sinh ngoài phạm vi ngành, nghề, trình độ được cấp phép và việc quảng cáo, cung cấp thông tin tuyển sinh không đúng thực tế.

b) Đổi mới chương trình và phương thức tổ chức đào tạo theo hướng mô-đun, tín chỉ, đào tạo theo năng lực thực hiện, tăng thời lượng thực hành, thực tập và đào tạo tại doanh nghiệp; mở rộng đào tạo kép, đào tạo tại nơi làm việc và các hình thức đào tạo linh hoạt. Xây dựng và triển khai cơ chế công nhận, chuyển đổi kết quả học tập; công nhận kỹ năng, kinh nghiệm đã tích lũy của người học, tạo điều kiện rút ngắn thời gian đào tạo, liên thông giữa các chương trình, trình độ. Đào tạo phải gắn với chuẩn đầu ra, yêu cầu kỹ năng nghề, nhu cầu tuyển dụng và sự thay đổi của thị trường lao động; lấy kết quả việc làm, mức độ đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và sự phát triển năng lực của người học làm căn cứ đánh giá, cải tiến chất lượng đào tạo. Việc công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong phạm vi GDNN thực hiện theo quy định của pháp luật về GDNN; trường hợp sử dụng kết quả học tập để liên thông lên trình độ đại học thực hiện theo Thông tư

số 52/2026/TT-BGDĐT và quy định nội bộ của cơ sở giáo dục đại học trên cơ sở chuẩn đầu ra tương đương.

c) Phát triển ngành, nghề ưu tiên và đào tạo nhân lực kỹ năng cao. Tập trung đào tạo nhân lực kỹ năng cao thuộc các lĩnh vực STEM, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, tự động hóa, năng lượng xanh và các ngành, nghề mới, ngành, nghề có nhu cầu nhân lực cao. Nâng cao năng lực đào tạo của các cơ sở GDNN; tăng cường liên kết với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và tổ chức quốc tế trong xây dựng chương trình, đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển nhân lực kỹ năng cao.

d) Đẩy mạnh đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động, dự báo nhu cầu đào tạo; phát triển các chương trình đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng theo hướng ngắn hạn, linh hoạt, mô-đun, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, tự động hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và thay đổi công nghệ. Tăng cường phối hợp giữa cơ sở GDNN và doanh nghiệp trong xác định nhu cầu, xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp; công nhận kết quả học tập, kỹ năng đã tích lũy để rút ngắn thời gian và nâng cao hiệu quả đào tạo.

đ) Từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong cơ sở GDNN theo lộ trình, phù hợp với ngành, nghề đào tạo, chuẩn đầu ra, điều kiện thực tế, năng lực đội ngũ và cơ sở vật chất của cơ sở GDNN.

4. Nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết với doanh nghiệp và đẩy mạnh hợp tác quốc tế

a) Nâng cao chất lượng đào tạo, gắn với nhu cầu sử dụng lao động. Thực hiện nghiêm chuẩn đầu ra, bảo đảm người học đạt năng lực nghề nghiệp theo yêu cầu của vị trí việc làm; đổi mới kiểm tra, đánh giá theo năng lực thực hiện. Tăng cường phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo, đánh giá và tuyển dụng; theo dõi kết quả việc làm của người học để điều chỉnh chương trình, nội dung và phương thức đào tạo. Thực hiện tự đánh giá, kiểm định và công khai kết quả đánh giá, kiểm định chất lượng; sử dụng kết quả đánh giá chất lượng làm căn cứ cải tiến chương trình, xác định chỉ tiêu tuyển sinh và phân bổ nguồn lực.

b) Tăng cường bảo đảm và kiểm định chất lượng GDNN. Cơ sở GDNN xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; thực hiện tự đánh giá hàng năm và xây dựng lộ trình đáp ứng chuẩn cơ sở GDNN, chuẩn chương trình đào tạo GDNN; chủ động đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở GDNN và chương trình đào tạo theo quy định. Thực hiện nghiêm việc công khai kết quả tự đánh giá, kết quả kiểm định, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp; sử dụng kết quả bảo đảm chất lượng làm căn cứ xác định chỉ tiêu tuyển sinh, phân bổ nguồn lực và cải tiến chương trình, tổ chức đào tạo.

c) Thực hiện chính sách đối với doanh nghiệp và phát triển Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp. Tổ chức triển khai các chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp tham gia GDNN; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập, quản lý và sử dụng hiệu quả Quỹ đào

tạo nhân lực để đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng cho người lao động; kịp thời tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp và biểu dương, tôn vinh mô hình hay, điển hình, doanh nghiệp thực hiện tốt.

d) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong GDNN. Mở rộng hợp tác với cơ sở đào tạo, tổ chức quốc tế và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong xây dựng chương trình, bồi dưỡng nhà giáo, chuyển giao công nghệ đào tạo, thành lập khoa, đơn vị chuyên môn; thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài đúng quy định của pháp luật, bảo đảm chất lượng và quyền lợi của người học. Chủ động triển khai chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu tại cơ sở GDNN; nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao phù hợp với điều kiện Việt Nam. Hoạt động phối hợp với cơ sở giáo dục đại học trong khuôn khổ hợp tác quốc tế được thực hiện trên cơ sở chức năng, thẩm quyền, điều kiện bảo đảm chất lượng của mỗi bên và thỏa thuận hợp tác; không làm phát sinh hoạt động đào tạo, liên kết đào tạo hoặc cấp văn bằng, chứng chỉ ngoài phạm vi được pháp luật cho phép.

5. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý. Rà soát, xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ đáp ứng quy mô, ngành, nghề và yêu cầu đổi mới đào tạo; chú trọng bồi dưỡng năng lực thực hành, công nghệ mới, kỹ năng số và năng lực phát triển chương trình. Tăng cường đưa nhà giáo đi thực tế tại doanh nghiệp; huy động chuyên gia, kỹ sư, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật và người lao động có kỹ năng nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá năng lực người học. Tổ chức thiết thực, chất lượng hội giảng nhà giáo GDNN và các hoạt động chuyên môn khác; sử dụng kết quả để bồi dưỡng đội ngũ, cải tiến chương trình, phương pháp đào tạo, không tổ chức hình thức, chạy theo thành tích.

b) Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và tập trung nguồn lực đầu tư, sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất, thiết bị sau sắp xếp cơ sở GDNN. Rà soát, đánh giá thực trạng phòng học, xưởng thực hành, thiết bị, học liệu và hạ tầng số của cơ sở GDNN so với yêu cầu của chương trình đào tạo; xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp có trọng tâm, trọng điểm, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, trùng lặp, kém hiệu quả. Ưu tiên nguồn lực hiện đại hóa các trường cao đẳng trọng điểm, chất lượng cao, các ngành, nghề trọng điểm quốc gia và ngành, nghề tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực, quốc tế; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động doanh nghiệp tham gia đầu tư thiết bị, hình thành không gian thực hành, thực tập tại doanh nghiệp và sử dụng chung cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

6. Tăng cường công tác học sinh sinh viên và bảo đảm công bằng trong tiếp cận GDNN

a) Tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống, truyền thống yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc, tinh thần trách nhiệm, khát vọng cống hiến và ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh, sinh viên. Thực hiện nề nếp, thực chất công tác giáo

dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, giáo dục pháp luật, giáo dục quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất và y tế trường học; tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng mềm, hỗ trợ khởi nghiệp, tư vấn tâm lý và công tác xã hội trong cơ sở GDNN. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa đối với bạo lực học đường, tệ nạn xã hội và các nguy cơ trên môi trường mạng. Đẩy mạnh phối hợp với lực lượng Công an địa phương và gia đình trong phòng ngừa, phát hiện sớm, xử lý nghiêm bạo lực học đường, ma túy, thuốc lá điện tử và các tệ nạn xã hội; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người học trong thời gian thực hành, thực tập tại doanh nghiệp. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người học theo quy định; đối với người học chương trình trung học nghề chưa đủ 18 tuổi, cơ sở GDNN phải có phương thức tổ chức quản lý, giáo dục, chăm sóc phù hợp với lứa tuổi và phối hợp chặt chẽ với gia đình người học.

b) Bảo đảm công bằng trong tiếp cận GDNN đối với các nhóm đối tượng đặc thù. Tổ chức đào tạo nghề cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nông thôn, bộ đội xuất ngũ, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người chấp hành xong án phạt tù và các đối tượng chính sách khác theo quy định; lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án có liên quan. Cơ sở GDNN bảo đảm điều kiện tiếp cận về cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu; điều chỉnh chương trình, phương pháp dạy học, hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với đặc điểm của người học theo tiếp cận giáo dục hòa nhập; chú trọng tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm và theo dõi kết quả việc làm sau đào tạo của các nhóm đối tượng này.

c) Tổ chức có hiệu quả kỳ thi kỹ năng nghề các cấp, sử dụng kết quả tham dự các kỳ thi để cải tiến chương trình và phương pháp đào tạo.

7. Đẩy mạnh chuyển đổi số và tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về GDNN

a) Phát triển năng lực số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong GDNN. Triển khai phát triển năng lực số, năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo và bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho người học phù hợp với yêu cầu của từng trình độ đào tạo; đối với trình độ cao đẳng đạt tối thiểu bậc 6/8, trình độ trung cấp và giáo dục trung học nghề đạt tối thiểu bậc 5/8 theo Khung năng lực số cho người học quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, học tập, kiểm tra, đánh giá và quản lý đào tạo phù hợp với đặc thù ngành, nghề. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ số trong GDNN thực hiện theo Thông tư số 49/2026/TT-BGDĐT, bảo đảm liên chính học thuật; minh bạch việc sử dụng trí tuệ nhân tạo khi có yêu cầu; bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin; tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ; trí tuệ nhân tạo là công cụ hỗ trợ, không thay thế trách nhiệm chuyên môn, học thuật của người học và nhà giáo.

b) Kịp thời cập nhật báo cáo Hệ thống cơ sở dữ liệu GDNN theo quy định. Rà soát yêu cầu về dữ liệu, chuẩn dữ liệu, phương thức gửi nhận hồ sơ điện tử, khả năng tích hợp, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu

của Bộ GDĐT, hạn chế phát sinh yêu cầu cung cấp thông tin, báo cáo trùng lặp. Quản lý hồ sơ học tập điện tử và dữ liệu về kết quả học tập đã được công nhận, chuyển đổi (nếu có), tạo điều kiện cho liên thông và học tập suốt đời; bảo đảm nguyên tắc chỉ thu thập một lần, chia sẻ theo thẩm quyền, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

c) Tăng cường quản lý văn bằng, chứng chỉ GDNN. Thực hiện nghiêm quy định về in, quản lý phôi, cấp phát, chỉnh sửa, thu hồi, hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ; lập, lưu trữ đầy đủ sổ gốc; công bố công khai thông tin cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang thông tin điện tử của cơ sở GDNN và cập nhật, kết nối với cơ sở dữ liệu của ngành phục vụ tra cứu, xác minh. Hướng dẫn, tổ chức việc cấp bằng, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đối với người học chương trình trung học nghề và các văn bằng, chứng chỉ khác theo quy định; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm hành vi làm giả, mua bán, sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả.

d) Tăng cường kiểm tra, giám sát và thực hiện nghiêm chế độ báo cáo. Sở GDĐT xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra đối với cơ sở GDNN trên địa bàn, tập trung vào điều kiện bảo đảm hoạt động đào tạo, công tác tuyển sinh, liên kết đào tạo, đào tạo tại doanh nghiệp, quản lý văn bằng, chứng chỉ và việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người học, nhà giáo; đổi mới phương thức kiểm tra theo hướng tăng cường hậu kiểm, dựa trên dữ liệu và cảnh báo sớm. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý nghiêm hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực GDNN theo quy định của pháp luật. Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn chế độ báo cáo, thống kê về GDNN theo quy định và theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

II. Lĩnh vực giáo dục thường xuyên

1. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDTX

a) Sở GDĐT tham mưu UBND cấp tỉnh tiếp tục khẩn trương rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDTX công lập theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 777/TTg-TCCV, Công văn số 814/TTg-TCCV và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; bảo đảm các cơ sở GDTX công lập sau sắp xếp hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt ngay từ đầu năm học. Đồng thời rà soát, kiện toàn bộ máy, bố trí đủ đội ngũ nhà giáo đối với các cơ sở GDTX công lập để thực hiện Chương trình GDTX cấp trung học cơ sở (THCS), cấp trung học phổ thông (THPT). Phối hợp với Sở Nội vụ để bố trí công chức có chuyên môn nghiệp vụ quản lý nhà nước về GDTX tại cấp xã. Bố trí ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí hoạt động, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN - GDTX và trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) sau sắp xếp, sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất, thiết bị sau sắp xếp cơ sở GDTX.

b) Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới TTHTCĐ tại các xã, phường, đặc khu; chú trọng nâng cấp TTHTCĐ thành trung tâm học tập số phục vụ cho việc xây dựng xã học tập, xây dựng nông thôn mới.

2. Tổ chức hiệu quả, chất lượng thực hiện chương trình GDTX, đa dạng hóa, hiện đại hóa và đẩy mạnh hoạt động của các cơ sở GDTX

a) Chỉ đạo các cơ sở GDTX, cơ sở giáo dục khác đa dạng hóa các chương trình GDTX bảo đảm chất lượng. Tiếp tục nâng cao chất lượng và các điều kiện đảm bảo thực hiện Chương trình GDTX cấp THCS, cấp THPT; tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực người học. Cụ thể:

(i) Giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật:

- Tổ chức giáo dục STEM/STEAM, hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo phù hợp với mục tiêu của Chương trình GDTX cấp THCS, cấp THPT, điều kiện của cơ sở giáo dục, năng lực, đặc điểm của người học GDTX, thích ứng với bối cảnh mới, gắn với môn học, hoạt động giáo dục, chuyên đề học tập, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp STEM/STEAM;

- Khuyến khích khai thác hiệu quả thiết bị, học liệu hiện có và các nguồn tư liệu phù hợp tại địa phương; tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở GDNN, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, bảo tàng, thư viện và cơ sở sản xuất phù hợp với điều kiện thực tế, ưu tiên các mô hình gắn với đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. Không tổ chức giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật theo phong trào, nặng sản phẩm trình diễn, thiếu chiều sâu chuyên môn hoặc làm phát sinh chi phí không cần thiết.

(ii) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, nội dung giáo dục địa phương:

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thiết thực, an toàn, phù hợp lứa tuổi và điều kiện thực tế; gắn với kỹ năng sống, trách nhiệm cá nhân, cộng đồng và định hướng nghề nghiệp cho học viên. Tư vấn, hỗ trợ học viên nhận biết sở thích, năng lực để lựa chọn lộ trình học tập, môn học, chuyên đề và ngành nghề phù hợp với năng lực cá nhân.

- Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương bảo đảm đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình, phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương; gắn với giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật, bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và định hướng nghề nghiệp.

- Các hoạt động ngoài cơ sở giáo dục phải có kế hoạch, phương án bảo đảm an toàn và phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan.

(iii) Giáo dục năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo

- Tổ chức giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo và an toàn mạng phù hợp từng cấp học theo Khung năng lực số, Khung giáo dục trí tuệ nhân tạo theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Hướng dẫn học sinh sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, trung thực; phòng ngừa sự phụ thuộc, lạm dụng công nghệ và các nguy cơ trên môi trường số.

- Kết quả giáo dục năng lực số được xác định theo yêu cầu cần đạt tại văn bản hướng dẫn thực hiện Khung năng lực số cho người học; kết quả giáo dục trí

tuệ nhân tạo được xác định theo Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ GDĐT⁴.

b) Đổi mới kiểm tra, đánh giá

(i) Thực hiện kiểm tra, đánh giá đúng quy định, đảm bảo khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của người học; kết hợp phù hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ theo quy định.

(ii) Nội dung kiểm tra, đánh giá phải bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS, cấp THPT. Chú trọng đánh giá khả năng hiểu, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; hạn chế yêu cầu ghi nhớ máy móc, học thuộc lòng, làm bài theo khuôn mẫu. Kết quả đánh giá phải được sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học viên, phụ đạo học sinh chưa đạt yêu cầu, bồi dưỡng học viên giỏi, tư vấn học tập, hướng nghiệp và phối hợp với phụ huynh học viên.

(iii) Tăng cường vai trò của tổ chuyên môn trong hướng dẫn, tổ chức xây dựng ma trận, bản đặc tả, câu hỏi, bài kiểm tra và nhiệm vụ học tập phù hợp với yêu cầu cần đạt của Chương trình; khai thác, sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học, hỗ trợ học viên chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, bồi dưỡng học viên có năng khiếu và nâng cao chất lượng giáo dục. Sở GDĐT tăng cường hướng dẫn, kiểm tra và hỗ trợ chuyên môn đối với các cơ sở GDTX.

(iv) Tăng cường ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong công tác quản lý, tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ người học.

c) Đa dạng hóa các chương trình GDTX đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Rà soát, đánh giá, tổ chức hiệu quả các chương trình học tập, bồi dưỡng ngắn hạn về cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số, ngoại ngữ, tin học (cơ bản, nâng cao) và chuyển giao công nghệ,... để xây dựng các chương trình học tập mới theo nhu cầu xã hội, đáp ứng nhu cầu học tập, học tập suốt đời của người dân.

d) Chỉ đạo và tăng cường hiệu lực quản lý hoạt động các trung tâm ngoại ngữ, tin học (TTNNTH) đảm bảo tất cả các trung tâm hoạt động theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, có đầy đủ chương trình, tài liệu và tổ chức quản lý các lớp học, học viên tại trung tâm. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, nhà đầu tư tham gia hoạt động, đầu tư, thành lập các TTNNTH.

đ) Triển khai Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045” đối với lĩnh vực GDTX

(i) Tổ chức dạy học và đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học tại trung tâm và các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình GDTX cấp THCS,

⁴ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số.

THPT theo đề án của Chính phủ⁵, các hướng dẫn của Bộ GDĐT, phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu và đối tượng học viên. Nâng cao năng lực tiếng Anh cho người học GDTX, đa dạng hóa hình thức và nội dung học tập tiếng Anh nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia. Mở rộng môi trường giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt của trung tâm, cơ sở giáo dục; tổ chức các lớp học chuyên đề, lồng ghép thực hành, trải nghiệm tiếng Anh trong nội dung môn học, thành lập câu lạc bộ tiếng Anh, triển khai hoạt động trải nghiệm và ứng dụng công nghệ số trong dạy và học tiếng Anh.

(ii) Tổ chức dạy học các ngoại ngữ theo Chương trình GDTX cấp THCS, THPT. Đa dạng hóa ngoại ngữ được dạy học phù hợp với nhu cầu của người học và điều kiện của cơ sở giáo dục. Đối với địa bàn thiếu giáo viên ngoại ngữ, Sở GDĐT xây dựng phương án dạy học liên trường, trung tâm, theo cụm trung tâm, trực tiếp kết hợp trực tuyến. Phát triển, chia sẻ học liệu dùng chung. Bồi dưỡng, điều động và bố trí đội ngũ theo thẩm quyền, bảo đảm chất lượng và cơ hội học ngoại ngữ của học viên, theo lộ trình, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

e) Thực hiện gắn kết hoạt động giữa cơ sở GDTX với cơ sở GDNN và doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; phát huy vai trò của trung tâm học tập cộng đồng trong tổ chức các hoạt động học tập tại cơ sở.

g) Tăng cường chỉ đạo công tác tuyển sinh, tư vấn lựa chọn môn học đối với học viên lớp 10 trước khi học sinh đăng ký. Cung cấp thông tin đầy đủ về tổ hợp môn học, điều kiện tổ chức dạy học của nhà trường, định hướng nghề nghiệp, yêu cầu thi tốt nghiệp THPT, tuyển sinh đại học, GDNN được cập nhật theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GDĐT và các lộ trình học tập sau THPT. Không để học sinh lựa chọn môn học theo cảm tính, thiếu thông tin hoặc do nhà trường áp đặt. Trường hợp học viên có nhu cầu thay đổi môn học lựa chọn, nhà trường thực hiện theo quy định. Có phương án hỗ trợ học viên bổ sung kiến thức, kiểm tra, đánh giá, công nhận kết quả học tập và bảo đảm quyền lợi học tập, định hướng sau THPT của học viên.

3. Bồi dưỡng đội ngũ

a) Tổ chức bồi dưỡng năng lực chuyên môn, năng lực quản trị và năng lực số, trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên GDTX.

b) Hướng dẫn giáo viên kỹ năng xây dựng chương trình, phát triển học liệu và áp dụng các phương pháp dạy học tích cực. Xây dựng và phát triển học liệu điện tử (giáo trình số, video bài giảng, ngân hàng câu hỏi, tài liệu mở) và chia sẻ trên kho học liệu chung lĩnh vực GDTX.

c) Tham mưu trình các cấp có thẩm quyền triển khai thực hiện về cơ cấu, số lượng, chế độ bảo lưu phụ cấp chức vụ đối với giám đốc, phó giám đốc và chế

⁵ Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045”.

độ chính sách đối với nhân sự hỗ trợ giáo dục trong các trung tâm GDTX, trung tâm GDNN- GDTX theo hướng dẫn của Chính phủ⁶ về cơ cấu, số lượng và một số chính sách đối với hiệu trưởng, giám đốc, phó hiệu trưởng, phó giám đốc, nhân sự hỗ trợ giáo dục khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn các trung tâm cơ cấu lại đội ngũ theo hướng tăng giáo viên trực tiếp giảng dạy; hoàn thành rà soát, sắp xếp lại đội ngũ giáo viên, tuyển dụng, hợp đồng đủ giáo viên theo quy định ngay từ đầu năm học 2026 - 2027. Nghiên cứu, đề xuất chính sách thu hút nhà giáo, nhất là giáo viên các môn học đặc thù và công tác ở vùng khó khăn; sửa đổi quy định về định mức, chế độ làm việc của giáo viên phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo; hướng dẫn cắt giảm hồ sơ, sổ sách, giảm áp lực hành chính để giáo viên tập trung cho công tác chuyên môn. Hướng dẫn tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ công chức cấp xã quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, bảo đảm thực hiện thông suốt, hiệu quả các hoạt động giáo dục tại địa phương.

4. Đẩy mạnh công tác xóa mù chữ (XMC)

a) Tiếp tục rà soát, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo UBND các xã kiện toàn Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục, XMC cấp xã; tổ chức điều tra, rà soát người mù chữ, người tái mù chữ trên địa bàn để xây dựng kế hoạch XMC hằng năm và tổ chức các lớp XMC theo hướng linh hoạt, đa dạng hình thức (học trực tiếp, trực tuyến, qua truyền thanh, truyền hình,...), bảo đảm phù hợp với đặc điểm người học, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án về XMC; tăng cường huy động người học tham gia các lớp XMC, duy trì kết quả sau biết chữ và mở rộng các chương trình học tập tiếp nối.

b) Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm và kỹ năng hỗ trợ người học cho đội ngũ giáo viên, báo cáo viên, cộng tác viên và lực lượng tham gia dạy XMC.

c) Tham mưu UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp đối với giáo viên, lực lượng tham gia dạy XMC và người học XMC; lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án liên quan để bảo đảm điều kiện thực hiện hiệu quả.

5. Xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời

a) Tiếp tục rà soát, tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” hằng năm; chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đơn vị hành chính đưa chỉ tiêu xây dựng xã hội học tập vào chương trình, kế hoạch công tác thường xuyên, coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm và lâu dài.

b) Phát huy vai trò, sức mạnh tổng hợp của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, hội khuyến học, cộng đồng doanh nghiệp và

⁶ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 05/8/2026

cộng đồng trong xây dựng môi trường học tập thường xuyên; tạo nguồn lực bền vững cho phong trào học tập suốt đời; gắn nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập với chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, coi đây là trách nhiệm chung trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của toàn hệ thống chính trị.

c) Khuyến khích người dân học tập thường xuyên, học tập suốt đời thông qua nhiều hình thức linh hoạt: trực tiếp, trực tuyến, tự học có hướng dẫn, học qua truyền thanh, truyền hình, các mô hình trải nghiệm cộng đồng; bảo đảm phù hợp điều kiện thực tế và nhu cầu người học. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để mỗi công dân tích cực học tập thường xuyên, liên tục, nâng cao tri thức, kỹ năng, năng lực thích ứng với yêu cầu phát triển mới, phù hợp mục tiêu xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời theo Nghị quyết số 71-NQ/TW.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ học tập suốt đời và các hoạt động khác liên quan đến xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời⁷ tại địa phương; chỉ đạo và tổ chức đánh giá, xếp loại và công nhận các mô hình học tập (đơn vị học tập, cộng đồng học tập, công dân học tập) bảo đảm thực chất, hiệu quả; góp phần khơi dậy văn hóa học tập trong toàn dân và thực hiện hiệu quả mục tiêu xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời.

6. Đổi mới quản lý GDTX, đẩy mạnh chuyển đổi số, trong đó tiếp tục triển khai học bạ số, giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo; giảm hồ sơ, thủ tục hành chính

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong học tập, xây dựng xã hội học tập: khai thác hiệu quả các nền tảng học tập trực tuyến, hệ thống thư viện số, cơ sở dữ liệu học tập quốc gia; phát triển kho học liệu mở, tài liệu số phục vụ nhu cầu học tập đa dạng; đồng thời ưu tiên bảo đảm hạ tầng Internet, thiết bị và bồi dưỡng kỹ năng số cho người học, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nhóm đối tượng yếu thế.

b) Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục

(i) Áp dụng hệ thống quản lý học tập và quản lý trung tâm GDTX trên nền tảng số. Triển khai hiệu quả học bạ số, học liệu số và tuyển sinh trực tuyến bảo đảm kết nối, liên thông, khả năng khai thác. Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá, công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; quản lý đội ngũ, cơ sở vật chất, học liệu và phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình học viên⁸.

(ii) Cập nhật, khai thác dữ liệu GDTX theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, an toàn và dùng chung, bảo đảm tính liên thông hệ thống để giảm thiểu hồ sơ, báo cáo. Bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của người học, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và các đối tượng liên quan. Dữ liệu phải

⁷ Ngày sách và Văn hóa đọc Việt Nam, hội thảo, hội nghị, tọa đàm về xây dựng XHHT, học tập suốt đời, xây dựng thành phố học tập trong mạng lưới toàn cầu của UNESCO,

⁸ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của Bộ GDĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

phục vụ quản lý, dự báo, điều hành, điều tiết đội ngũ, phân bổ nguồn lực và hỗ trợ cơ sở GDTX trên địa bàn.

(iii) Sử dụng dữ liệu để kịp thời phát hiện tình trạng thiếu giáo viên, thiếu phòng học, thiếu thiết bị, học viên có nguy cơ bỏ học, học sinh chưa được hưởng chính sách, địa bàn có nguy cơ giảm chất lượng giáo dục, trung tâm thiếu điều kiện tối thiểu hoặc phát sinh mất an toàn. Thực hiện nguyên tắc dữ liệu đã có trên hệ thống hoặc trong hồ sơ chuyên môn thì không yêu cầu cơ sở giáo dục, giáo viên cung cấp lại. Không làm phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định.

(iv) Sử dụng học bạ số và hồ sơ quản lý học viên điện tử thay cho phương thức thủ công; bảo đảm đồng bộ, chính xác và khai thác hiệu quả dữ liệu số phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, giảm các báo cáo hành chính để giảm áp lực cho giáo viên và các cơ sở giáo dục. Khuyến khích sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử trong cơ sở giáo dục để giảm áp lực cho giáo viên.

(v) Chỉ đạo các trung tâm GDTX tham gia xây dựng kho học liệu số mở dùng chung cho hệ thống GDTX; khuyến khích giáo viên biên soạn, chia sẻ tài nguyên số.

(vi) Định kỳ đánh giá mức độ chuyển đổi số của trung tâm GDTX theo Bộ chỉ số của Bộ GDĐT.

c) Tổ chức lớp phổ cập kỹ năng số theo Phong trào “Bình dân học vụ số” cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân; tăng cường mở các khóa bồi dưỡng ngắn hạn gắn với nhu cầu nhân lực.

d) Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh

(i) Tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình GDTX.

(ii) Tăng cường kiểm tra, giám sát các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi người học, chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm; tập trung vào lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc phản ánh kéo dài. Việc kiểm tra, giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu và tình hình thực tiễn nhằm hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục.

(iii) Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị về hoạt động GDTX trên địa bàn; xác định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về nhiệm vụ năm học, kết quả đổi mới GDTX và chính sách đối với người học, giáo viên, cơ sở giáo dục, tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

(iv) Đổi mới công tác kiểm tra theo hướng tăng cường hậu kiểm, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giám sát; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương trong quản lý hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, tin học và các cơ sở GDTX; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, góp phần bảo đảm kỷ cương, nề nếp và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống GDTX.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở hướng dẫn và tình hình cụ thể của địa phương, đề nghị các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ, phân bổ nguồn lực để triển khai nhiệm vụ GDNN và GDTX năm học 2026-2027 theo tinh thần “6 rõ” và tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ cơ sở giáo dục. Sở GDĐT chủ động tham mưu UBND cấp tỉnh và phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp xã bảo đảm đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên; mạng lưới cơ sở GDTX; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, học liệu; an toàn tại cơ sở giáo dục; chính sách hỗ trợ học viên và các điều kiện thực hiện chương trình GDTX.

2. Đối với nhiệm vụ có nội dung phối hợp với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở GDNN, cơ sở GDTX chủ động trao đổi, ký kết thỏa thuận phối hợp theo chức năng, thẩm quyền và quy định pháp luật; trường hợp phát sinh vướng mắc liên quan đến giáo dục đại học, báo cáo Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Đại học và đơn vị liên quan) để được hướng dẫn.

3. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GDĐT, căn cứ vào tình hình thực tế, các cơ quan, Sở GDĐT, các cơ sở GDNN, GDTX xây dựng kế hoạch triển khai, hướng dẫn, tổ chức thực hiện bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Bộ GDĐT gửi kèm theo Công văn này danh mục các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn có liên quan; đề nghị các đơn vị nghiên cứu, triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, đơn vị, đồng thời kịp thời cập nhật các quy định pháp luật mới trong quá trình thực hiện nếu có (*Danh mục chi tiết Phụ lục kèm theo*).

Trong quá trình thực hiện kịp thời tháo gỡ khó khăn, xử lý vấn đề phát sinh theo thẩm quyền hoặc báo cáo vướng mắc đối với những vấn đề vượt thẩm quyền về Bộ GDĐT (qua Cục GDNNGDTX) để được hướng dẫn, phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết, ph/h);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Vụ/Cục, đơn vị thuộc Bộ GDĐT;
- Công Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, GDNNGDTX.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quân

Phụ lục

DANH MỤC VĂN BẢN THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Kèm theo Công văn số: /BGDDT-GDNNGDTEX ngày /8/2026)

I. Nghị định của Chính phủ

1. Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28/3/2026 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo.
2. Nghị định số 95/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Giáo dục nghề nghiệp.
3. Nghị định số 138/2026/NĐ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ quy định chi tiết Luật việc làm.
4. Nghị định số 159/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định về giảng viên đồng cơ hữu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập.
5. Nghị định số 182/2026/NĐ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ quy định phụ cấp ưu đãi nghề đối với nhà giáo.
6. Nghị định số 271/2026/NĐ-CP ngày 03/7/2026 của Chính phủ quy định miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.
7. Nghị định số 308/2026/NĐ-CP ngày 5/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

II. Quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 19/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị quyết số 248/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để thực hiện đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
2. Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15.
3. Quyết định số 530/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình thu hút chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam.
4. Quyết định số 38/2026/QĐ-TTg ngày 23/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.
5. Quyết định số 39/2026/QĐ-TTg ngày 23/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

III. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Thông tư số 01/2026/TT-BGDĐT ngày 20/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo.
2. Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo
3. Thông tư số 05/2026/TT-BGDĐT ngày 12/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.
4. Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành giáo dục mầm non trình độ cao đẳng.
5. Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT ngày 26/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục.
7. Thông tư số 17/2026/TT-BGDĐT ngày 27/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
8. Thông tư số 24/2026/TT-BGDĐT ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên sơ cấp, giáo viên trung cấp.
9. Thông tư số 25/2026/TT-BGDĐT ngày 09/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn nghề nghiệp giảng viên cao đẳng.
10. Thông tư số 31/2026/TT-BGDĐT ngày 14/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập.
11. Thông tư số 32/2026/TT-BGDĐT ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc xác định tương đương chức danh nhà giáo.
12. Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.
13. Thông tư số 37/2026/TT-BGDĐT ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục ngành, nghề đặc thù thuộc lĩnh vực nghệ thuật, thể thao.
14. Thông tư số 38/2026/TT-BGDĐT ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
15. Thông tư số 39/2026/TT-BGDĐT ngày 12/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quy trình biên soạn, thẩm định và ban

hành giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh.

16. Thông tư số 40/2026/TT-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công tác sinh viên.

17. Thông tư số 43/2026/TT-BGDĐT ngày 09/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn người dạy nghề.

18. Thông tư số 46/2026/TT-BGDĐT ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường trung học nghề.

19. Thông tư số 49/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ứng dụng công nghệ trong giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

20. Thông tư số 52/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên thông giữa trung học nghề, trung cấp, cao đẳng và đại học.

21. Thông tư số 55/2026/TT-BGDĐT ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp.

22. Thông tư số 59/2026/TT-BGDĐT ngày 15/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về nhà giáo hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu và nhà giáo thỉnh giảng.

23. Thông tư số 63/2026/TT-BGDĐT ngày 30/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường cao đẳng, trường trung cấp.